

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Hòa.

2. Bà Đặng Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/QĐXX - ST, ngày 16/4/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị A - sinh năm: 1994. (vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Đăng B - Sinh năm: 1989. (vắng mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1.3 Cháu: Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012.

2.3 Cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015.

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: Chị Trần Thị A và anh Phạm Đăng B (bố, mẹ đẻ hai cháu).

Đều có HKTT: thôn AB, xã AC, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. **Người làm chứng:**

1.4 Ông Trần Quang E - sinh năm: 1969. (vắng mặt).

Trú tại: thôn AD, xã AC, huyện K, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Đăng B, sinh năm 1989, trú tại thôn AB, xã AC, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập vào ngày 02/12/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn AB xã AC, đến cuối năm 2018 vợ chồng thuê nhà, mở cửa hàng tại thôn AE, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh B thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, kinh tế gặp nhiều khó khăn, cả hai đều không tin tưởng mà nghi ngờ nhau có quan hệ tình cảm với người khác giới, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015, hiện cả hai cháu đang ở với anh B, nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu, nếu không được, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, việc đóng góp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B phải có trách nhiệm.

Hiện nay chị công tác tại Xí nghiệp thủy nông CG, lương hiện tại là 4 triệu đồng/tháng, chị còn kinh doanh thêm cửa hàng Spa tại thị trấn K, thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Agribank K, Chi nhánh ĐK 100 triệu đồng, quá trình giải quyết anh, chị đã tự thỏa thuận trả cho Ngân hàng số tiền này, hiện nay không còn vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Do dịch bệnh nên chị đề nghị và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Phạm Đăng B trình bày:

Về quá trình tìm hiểu, đăng ký và quá trình chung sống đúng như chị A trình bày. Về nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn, anh thừa nhận vợ chồng anh, chị sống hạnh

phúc được khoảng 05 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, cả hai đều không nhường nhịn và không tin tưởng mà nghi ngờ nhau có quan hệ tình cảm với người khác giới, thỉnh thoảng anh có uống rượu, không làm chủ được nên có lời lẽ quá đáng với chị A dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Nay chị A xin ly hôn, xét thấy còn tình cảm nên anh mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015, hiện cả hai cháu đang ở với anh, nếu ly hôn, anh có nguyện vọng xin được cả hai cháu, việc đóng góp nuôi con chung anh không yêu cầu chị A phải có trách nhiệm.

Hiện anh đang kinh doanh đồ gỗ tại AC, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng anh, chị có vay của Ngân hàng Agribank K, Chi nhánh ĐK 100 triệu đồng, quá trình giải quyết, anh đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết nhưng sau đó anh, chị đã tự phân chia trả cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Phạm Hải C trình bày:

Cháu là con của bố B, mẹ A, hiện cháu đang học lớp 3 Trường tiểu học cơ sở K. Quá trình chung sống cháu có chứng kiến bố mẹ cháu cãi nhau, do cháu còn nhỏ nên cháu không biết nguyên nhân, nay bố mẹ cháu không cùng chung sống. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố cháu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021, người làm chứng là ông Trần Quang E trình bày:

Ông là bố của chị Trần Thị A, năm 2011 gia đình ông có tổ chức kết hôn cho chị A xây dựng cùng anh B, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đại Tập. Sau khi kết hôn, đến khoảng năm 2016, 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không chung thủy, thường xuyên đánh đập chị A, gia đình cũng có tìm cách hòa giải để vợ chồng chung sống với nhau tốt hơn nhưng anh B không thay đổi. Nay chị A xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A

được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015, việc nuôi con chung tùy anh, chị và pháp luật quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Ông không nắm rõ.

Về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình: Không có gì liên quan.

Qua xác minh tại UBND xã Đại Tập ngày 14/4/2021 xác định: Chị Trần Thị A và anh Phạm Đăng B đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập vào ngày 02/12/2011 (số 73, quyển số 01). Quá trình chung sống, vợ chồng chị A đã xảy ra mâu thuẫn.

Về con chung: Vợ chồng chị A có hai con chung là cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015

Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng chị A, chính quyền địa phương không nắm được.

Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ, Ngân hàng Agribank K, Chi nhánh ĐK có giao nộp Phụ lục Hợp đồng về việc ngày 05/8/2020 anh Phạm Đăng B và chị Trần Thị A có vay của Ngân hàng 100 triệu đồng và đưa ra quan điểm: anh B, chị A đã tự thỏa thuận phân chia mỗi người đã trả cho Ngân hàng 50 triệu đồng tiền gốc cùng toàn bộ lãi phát sinh, nay không còn liên quan nên Ngân hàng không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57,

81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Phạm Đăng B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015 cho chị Trần Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn anh B, chị A được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh, chị đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 25/02/2021, chị Trần Thị A có đơn khởi kiện anh Phạm Đăng B, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Phạm Đăng B có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn AB, xã AC, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị A và anh Phạm Đăng B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã Đại Tập huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2011 (Số thứ tự 73, quyển số 01). Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai khẳng định phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã

sống ly thân. Quá trình giải quyết chị A cương quyết xin ly hôn, anh B xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh B không đến. Xét cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị A được ly hôn với anh B để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung:* Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015. Hiện tại cả hai cháu đang sinh sống cùng anh B. Quá trình giải quyết chị A, anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu không được chị A xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu C có nguyện vọng được ở cùng anh B. Nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung của chị A, anh B là hoàn toàn chính đáng, nhưng xét điều kiện của cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy, nên để cả anh và chị đều được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung, mặt khác, do các cháu đều còn nhỏ, cần chăm sóc trong thời gian dài, nếu giao cả hai cháu cho một người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn và ảnh hưởng đến quá trình học tập, sự phát triển của các cháu. Để đảm bảo quyền lợi cũng như việc thực hiện chăm sóc các cháu nên giao cháu D cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu C cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, như nguyện vọng của cháu C, của chị A và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do cả hai anh, chị không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị A, anh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Cả hai vợ chồng đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Phạm Đăng B.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phạm Hải C, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Phạm Đăng B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Đăng D, sinh ngày 03/02/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Trần Thị A và anh Phạm Đăng B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0002559 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị A đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Tập;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

Đào Duy Trinh